TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐG** **TỈNH KON TUM** Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ĐG, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y H; Sinh năm: 27/12/1993; Địa chỉ: Thôn (Làng) L, xã Đ, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Trần Đại Q; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn (Làng) T, xã X, huyện ĐG, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày để từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Y H và anh Trần Đại Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh Trần Đại Q thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Y Ý L, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Y H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thời gian chị Y H nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Y Ý L, anh Q phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con chung: Tính từ ngày Quyết định cho các đương sự ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ý L đủ 18 tuổi và sống tự lập được; anh Trần Đại Q phải đóng góp cho chị Y H tiền phí tổn nuôi con chung một tháng là: 1.000.000 triệu đồng (Một triệu đồng). Anh Trần Đại Q được quyền thăm nuôi con chung, không ai được quyền cản quyền thăm nuôi con chung của anh Q. Việc thăm nuôi con chung của anh Q không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của chị H và cháu L. Vì quyền lợi của cháu Trần Y Ý L các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản:

+ Các đương sự không có tiền, tài sản riêng; không có tiền, tài sản cho nợ chung; không có tiền, tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Tiền, tài sản nợ chung;

Trong thời kì hôn nhân, anh Trần Đại Q và chị Y H có vay khoản tiền tại Ngân hàng CSXH Huyện ĐăkGlei số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo sổ vay số 7058638647, chị Y H đã trả hết khoản nợ trên. Nay, buộc anh Trần Đại Q phải trả lại cho chị Y H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi suất trong vòng 07 tháng (từ ngày 01/01/2019 đến 31/07/2019) số tiền là: 300.000 x 07 (tháng) = 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền anh Q phải trả cho chị Y H là: 22.100.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng), và trả 01 lần cho chị Y H kể từ ngày Quyết định/Bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày chị Y H có đơn yêu cầu thi hành án; nếu anh Trần Đại Q không trả hoặc trả chưa hết số tiền thỏa thuận nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi suất 10% /năm tính theo số tiền phải trả và thời gian chậm trả.

- Về án phí (Thuận tình ly hôn):

Căn cứ Điều 144; Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Chị Y H và anh Trần Đại Q mỗi người phải nộp 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Đại Q còn phải nộp số tiền án phí về cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm là 552.500 đồng (Năm trăm năm hai nghìn năm trăm đồng) để nộp tiền vào Ngân sách nhà nước. Chị Y H được chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/0004608 ngày 16 tháng 9 năm 2019 thành tiền án phí; chị Y H còn được nhận lại số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐăkGlei tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐG
- TAND tỉnh Kon Tum
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Lưu HSVA./.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Luân